ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**THANH TRA TỈNH**



**HỘI NGHỊ**

**TRIỀN KHAI BỘ TIÊU CHÍ, HƯỚNG DẪN CUNG CẤP TÀI LIỆU,**

**SỐ LIỆU MINH CHỨNG PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN**

**CẤP TỈNH NĂM 2023**

*(Tài liệu phục vụ tập huấn, lưu hành nội bộ)*

**Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 4 năm 2024**

# MỤC LỤC

[MỤC LỤC 2](#_Toc164393979)

[I. Khái niệm, dấu hiệu đặc trưng, hậu quả của tham nhũng, các hành vi tham nhũng và tội phạm tham nhũng 2](#_Toc164393980)

[1. Khái niệm tham nhũng: 2](#_Toc164393981)

[2. Dấu hiệu đặc trưng của tham nhũng: 3](#_Toc164393982)

[3. Các hành vi tham nhũng: 3](#_Toc164393983)

[4. Tội phạm tham nhũng 4](#_Toc164393984)

[II. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ 4](#_Toc164393985)

[1. Nhóm A. VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN (20 điểm) 4](#_Toc164393986)

[2. Nhóm B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG (30 điểm) 6](#_Toc164393987)

[3. Nhóm C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG (40 điểm) 10](#_Toc164393988)

[4. Nhóm D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHŨNG (10 điểm) 12](#_Toc164393989)

## 

## I. Khái niệm, dấu hiệu đặc trưng, hậu quả của tham nhũng, các hành vi tham nhũng và tội phạm tham nhũng

### 1. Khái niệm tham nhũng:

Theo khoản 1 Điều 3 Luật PCTN năm 2018 quy định: “Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi”.

### 2. Dấu hiệu đặc trưng của tham nhũng:

Tham nhũng có những dấu hiệu đặc trưng cơ bản sau:

- Thứ nhất: Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn

- Thứ hai: Động cơ của hành vi tham nhũng là cố ý, tức là hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn có được của mình để vụ lợi.

- Thứ ba: Hành vi tham nhũng nhằm mục đích vụ lợi.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 3, Luật PCTN năm 2018: Vụ lợi là việc người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng.

Như vậy, một hành vi được coi là tham nhũng phải có đầy đủ 3 yếu tố nêu trên. Một người có chức vụ, quyền hạn có hành vi sai phạm nhưng không lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó hoặc hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhưng không vụ lợi hoặc không vì động cơ cá nhân khác thì hành vi đó không phải là hành vi tham nhũng.

### 3. Các hành vi tham nhũng:

Các hành vi tham nhũng được quy định tại khoản 1 Điều 2, Luật PCTN 2018 gồm 12 hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện bao gồm:

(1) Tham ô tài sản.

(2) Nhận hối lộ.

(3) Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

(4) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

(5) Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

(6) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi.

(7) Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.

(8) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi.

(9) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi.

(10) Nhũng nhiễu vì vụ lợi[[1]](#footnote-1).

(11) Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

(12) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

*03 hành vi tham những khu vực ngoài nhà nước* do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức, khu vực vực ngoài nhà nước[[2]](#footnote-2) thực hiện bao gồm: (1) Tham ô tài sản; (2) Nhận hối lộ; (3) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

4. Tội phạm tham nhũng

Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định 07 tội danh tham nhũng gồm:

(1) Tội tham ô tài sản (Điều 353).

(2) Tội nhận hối lộ (Điều 354).

(3) Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355).

(4) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Đ 356).

(5) Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357).

(6) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358).

(7) Tội giả mạo trong công tác (Điều 359).

## II. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

**TÀI LIỆU MINH CHỨNG VIỆC THỰC HIỆN** *(Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái phụ lục số 5)* **Thời kỳ 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023.**

### 1. Nhóm A. VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN (20 điểm)

**A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN (5 điểm):** Đánh giá **v**iệc xây dựng ban hành Kế hoạch PCTN năm 2023 của UBND cấp tỉnh và triển khai thực hiện các nội dung sau: (1) Triển khai thực hiện các văn bản của các cơ quan ở TW về PCTN; (2) Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN; (3) Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN (4) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN (5) Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN (6) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN 2023.

**Nội dung này,** UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 26/12/2023 về Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 của tỉnh Quảng Ngãi.

**A.2. Đánh giá việc các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh (15 điểm), trong đó:**

**(1)** A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN (4 điểm)

**Đề nghị Các sở, ban ngành, huyện, đơn vị** thuộc UBND tỉnh cung cấp:

**-** Kế hoạch triển khai thực hiện công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023;

- Báo cáo, văn bản thể hiện kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN năm 2023.

**(2)** A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN (4 điểm)

**Đề nghị Các sở, ban ngành, huyện, đơn vị** thuộc UBND tỉnh cung cấp:

- Kế hoạch về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023 hoặc kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật năm 2023 (trong đó có nội dung công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN).

- Báo cáo về việc công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng,chống tham nhũng năm 2023, hoặc báo cáo kết quả tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật năm 2023 (trong đó có thể hiện kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN).

(3) A.2.3. Thực hiện kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN (1 điểm)

**Đề nghị Các sở, ban ngành, huyện, đơn vị** thuộc UBND tỉnh cung cấp:

- Kế hoạch kiểm tra và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023.

- Báo cáo kết quả kiểm tra và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023.

(4) A.2.4. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định của Luật Tiếp công dân (2 điểm)

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 12 Luật Tiếp công dân: *“5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh* ***ít nhất 01 ngày trong 01 tháng và thực hiện việc tiếp công dân đột xuất*** *trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này”.*

Đề nghị **Văn phòng UBND tỉnh** cung cấp các tài liệu:

- Lịch tiếp công dân định kỳ năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

- Thông báo, Biên bản thể hiện số tháng tiếp công dân định kỳ, tiếp công dân đột xuất của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

(5) A.2.5. Tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện ***(2 điểm) (TIÊU CHÍ MỚI)***

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 13 Luật Tiếp công dân: *“5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp huyện* ***ít nhất 02 ngày trong 01 tháng và thực hiện việc tiếp công dân đột xuất*** *trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này”*

Đề nghị **UBND cấp huyện** cung cấp các tài liệu:

- Lịch tiếp công dân định kỳ năm 2023 của Chủ tịch UBND cấp huyện.

- Thông báo, Biên bản thể hiện số tháng tiếp công dân định kỳ, tiếp công dân đột xuất của Chủ tịch UBND cấp huyện.

(6) A.2.6. Tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân của Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1,5 điểm) ***(TIÊU CHÍ MỚI)***

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Luật Tiếp công dân, Người đứng đầu Cơ quan: *“2. Trực tiếp thực hiện việc tiếp công dân ít nhất 01 ngày trong 01 tháng tại địa điểm tiếp công dân của cơ quan mình”*

Đề nghị **Các sở, ban ngành** cung cấp các tài liệu:

- Lịch tiếp công dân định kỳ năm 2023 của Người đứng đầu các Sở, ban, ngành.

- Thông báo, Biên bản thể hiện số tháng tiếp công dân định kỳ của Người đứng đầu các Sở, ban, ngành.

A.2.7. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng (1 điểm)

\* **Đề nghị Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh** cung cấp các tài liệu:

- Văn bản thể hiện việc xử lý đơn của công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng *(do công dân gửi trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện)*.

- Văn bản thể hiện việc xử lý đơn kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng *(do công dân gửi trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện)*.

\* Đề nghị **Văn phòng UBND tỉnh** cung cấp các tài liệu:

- Văn bản thể hiện việc xử lý đơn của công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng *(do công dân gửi trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện, nhận đơn từ các cơ quan khác chuyển đến)*.

- Văn bản thể hiện việc xử lý đơn kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng *(do công dân gửi trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện, nhận đơn từ các cơ quan khác chuyển đến)*.

- Các văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết, xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng.

- Các văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết, xử lý kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng.

### 2. Nhóm B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG (30 điểm)

**B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước (26 điểm)**

**(1)** B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018 (6 điểm)

Đề nghị **các sở, ban ngành, huyện, đơn vị** thuộc UBND tỉnh **LIỆT KÊ ĐẦY ĐỦ CÁC VĂN BẢN CÔNG KHAI THEO ĐIỀU 10 LUẬT PCTN NĂM 2018,** cung cấp các tài liệu thể hiện việc công khai, minh bạch ***đầy đủ nội dung*** theo quy định của pháp luật về:

- Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động.

- Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công.

- Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài sản công.

- Việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

- Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn.

- Công khai, minh bạch các nội dung khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.

**(2)** B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR năm 2023) (1 điểm)

Đề nghị **Sở Nội vụ** cung cấp điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2023

**(3)** B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2023) (1 điểm)

**Đề nghị** **Sở Thông tin và Truyền thông** cung cấp điểm đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh DTI năm 2023 do Bộ Thông tin truyền thông công bố.

(4) B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 (1 điểm)

**Đề nghị Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Quảng Ngãi** cung cấp tài liệu:

- Kế hoạch của UBND tỉnh hoặc văn bản của UBND tỉnh thể hiện lồng ghép các nội dung về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt thanh toán không dùng tiền mặt vào các đề án, dự án, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương mình.

- Báo cáo của UBND tỉnh về kết quả thực hiện năm 2023 gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(5) B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC) (2 điểm)

\* Đề nghị c**ác sở, ban ngành, huyện, đơn vị** thuộc UBND tỉnh cung cấp:

- Các văn bản triển khai thực hiện kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn.

- Quyết định thanh tra việc quản lý, sử dung các nguồn kinh phí tại các sở, ban ngành, huyện, cơ quan, đơn vị (nếu có).

- Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn.

- Kết luận thanh tra việc quản lý, sử dung các nguồn kinh phí tại các sở, ban ngành, huyện, cơ quan, đơn vị (nếu có).

\* Riêng đối **Sở Tài chính cung cấp thêm các tài liệu sau:**

- Thông báo của Sở Tài chính về thẩm định quyết toán các nguồn kinh phí tại các sở, ban ngành, huyện, cơ quan, đơn vị.

- Thông báo của Sở Tài chính về kết quả thẩm định quyết toán các nguồn kinh phí tại các sở, ban ngành, huyện, cơ quan, đơn vị.

(6) B.1.6. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích *(XĐLI) (3 điểm)*

\* Đề nghị c**ác sở, ban ngành, huyện, đơn vị thuộc UBND tỉnh** cung cấp:

- Kế hoạch kiểm soát xung đột lợi ích năm 2023.

- Các văn bản triển khai thực hiện tổ chức rà soát xung đột lợi ích.

- Các văn bản thể hiện nội dung rà soát các trường hợp xung đột lợi ích năm 2023 theo Điều 29 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP; các quy định của pháp luật có liên quan thuộc từng lĩnh vực do các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị quản lý.

- Báo cáo kết quả rà soát các trường hợp xung đột lợi ích năm 2023 theo Điều 29 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP.

- Các văn bản thể hiện kết quả xử lý, giải quyết các trường hợp xung đột lợi ích theo Điều 31 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ( *Giải quyết 1 vụ: Được tính 0,2 điểm; Giải quyết 2 vụ: Được tính 0,4 điểm; Giải quyết 3 vụ: Được tính 0,6 điểm; Giải quyết 4 vụ: Được tính 0,8 điểm; Giải quyết trên 5 vụ: Được tính 1,0 điểm)*

(7) B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC (2 điểm)

\* Đề nghị **Các sở, ban ngành, huyện** cung cấp:

- Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức năm 2023.

- Báo cáo, văn bản thể hiện kết quả chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức năm 2023.

**\*** Riêng đối **Sở Nội vụ** **cung cấp thêm các tài liệu sau:**

- Báo cáo, văn bản thể hiện kết quả tổng hợp, theo dõi việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức năm 2023 của các sở, ban ngành, huyện.

- Báo cáo, văn bản thể hiện tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức năm 2023 của các sở, ban ngành, huyện.

(8) B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử (1 điểm)

\* Đề nghị c**ác sở, ban ngành, huyện, đơn vị** thuộc UBND tỉnh cung cấp báo cáo, văn bản thể hiện kết quả thực hiện quy tắc ứng xử năm 2023.

**\* Đề nghị Sở Nội vụ** cung cấp báo cáo, văn bản thể hiện kết quả thực hiện quy tắc ứng xử năm 2023 của các sở, ban ngành, huyện, cơ quan, đơn vị.

(9) B.1.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN) (9 điểm)

**\* Đề nghị các sở, ban ngành, huyện, đơn vị thuộc UBND tỉnh** cung cấp:

**-** Kế hoạch triển khai công tác kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023.

- Báo cáo, văn bản thể hiện kết quả về việc hoàn thành việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2023.

- Biên bản ghi nhận kết quả niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023.

Hoặc Biên bản ghi nhận kết quả cuộc họp có nội dung công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023.

\* Đối nội dung xác minh TSTN, trong năm 2023 Thanh tra tỉnh đã tiến hành xác minh đối với 09 cơ quan, tổ chức; trong đó có 03 trường hợp kê khai đúng, 51 trường hợp rút kinh nghiệm và 01 trường hợp xử lý kỷ luật theo quy định.

B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10) (5 điểm)

**\* Đề nghị các sở, ban ngành, huyện, đơn vị thuộc UBND tỉnh** cung cấp:

- Đơn của người dân, doanh nghiệp có nội dung kiến nghị phản ánh tình trạng cán bộ, công chức, viên chức nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc, trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc từng lĩnh vực do sở, ban ngành, huyện quản lý, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc sở, ban ngành, huyện giải quyết *(đơn do người dân, doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện)*.

- Các văn bản của **các cơ quan có thẩm quyền** chuyển đơn của người dân, doanh nghiệp kiến nghị phản ánh tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết công việc đến sở, ban ngành, huyện.

- Các văn bản thể hiện kết quả xử lý các cá nhân vi phạm Chỉ thị 10.

\* Đề nghị **Văn phòng UBND tỉnh** cung cấp tài liệu, văn bản thể hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính về những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước như: từ chối thực hiện, kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính; tự ý yêu cầu, bổ sung, đặt thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; sách nhiễu, gây phiền hà, đùn đẩy trách nhiệm; không niêm yết công khai, minh bạch thủ tục hành chính hoặc niêm yết công khai không đầy đủ các thủ tục hành chính tại nơi giải quyết thủ tục hành chính; thủ tục hành chính được niêm yết công khai đã hết hiệu lực thi hành hoặc trái với nội dung thủ tục hành chính được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính... .

**B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước** **tại địa phương (3 điểm)**

Trong năm 2023, Thanh tra tỉnh tham UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước; đã tiến hành thanh 04 Doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước.

### 3. Nhóm C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG (40 điểm)

**C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng (12 điểm)**

**(1)** C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra (3 điểm)

**Đề nghị Các sở, ban ngành, huyện** cung cấp:

- Kết luận kiểm tra nội bộ có nội dung phát hiện hành vi tham nhũng (nếu có).

- Kết luận thanh tra có nội dung phát hiện hành vi tham nhũng (nếu có).

(2) C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo (2 điểm)

**Đề nghị Các sở, ban ngành, huyện** cung cấp:

- Các văn bản thể hiện nội dung việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham nhũng.

- Các văn bản thể hiện nội dung việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng.

(3) C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử (7 điểm)

**Đề nghị Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh** cung cấp Quyết định khởi tố vụ án, Cáo trạng, Bản án.

**C.2. Việc xử lý tham nhũng (20 điểm)**

**(1)** C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng (5 điểm)

**Đề nghị các sở, ban ngành, huyện** cung cấp:

- Kết luận thanh tra, kiểm tra có thể hiện nội dung cá nhân có hành vi tham nhũng.

- Quyết định xử lý, quyết định xử phạt hành chính đối với cá nhân có hàn vi tham nhũng.

(2) C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng (7,5 điểm)

- Đề nghị **Công an tỉnh** cung cấp các Quyết định khởi tố bị can.

**- Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh** cung cấp các bản cáo trạng.

**- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh** cung cấp các Bản án.

C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng (7,5 điểm

Theo quy định trong thời hạn 30 ngày làm việc, Kết luận, báo cáo chính thức của cơ quan hoặc người có thẩm quyền về vụ việc, vụ án tham nhũng hoặc từ ngày bản án về tham nhũng có hiệu lực pháp luật, , người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét xử lý kỷ luật hoặc báo cáo để cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra tham nhũng.

Đề nghị c**ác sở, ban ngành, huyện** các văn bản thể hiện kết quả xử lý khiển trách, cảnh cáo, xử lý cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng trên địa bàn (nếu có).

**(3)** **C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN (8 điểm), trong đó:**

- Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)

- Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – NĐ 59/2019/NĐ-CP)

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 – Điều 94 Luật PCTN)

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)

- Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)

- Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)

***\* Đề nghị Các sở, ban ngành, huyện cung cấp:***

- Các kết luận thanh tra, kiểm tra, có nội dung kết luận các cá nhân có vi phạm tại 08 nội dung này.

- Văn bản thể hiện kết quả xử lý các cá nhân có vi phạm tại 08 nội dung này.

### 4. Nhóm D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHŨNG (10 điểm)

**D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh (5 điểm)**

**Đề nghị Các sở, ban ngành, huyện** cung cấp:

- Kết luận kiểm tra, thanh tra có nội dung kết luận số tiền, tài sản tham nhũng.

- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc hồi tiền, tài sản tham nhũng.

- Kết luận giải quyết đơn tố cáo có nội dung kết luận số tiền, tài sản tham nhũng.

- Văn bản thể hiện kết quả xử lý đơn phản ánh có nội dung kết luận số tiền, tài sản tham nhũng

**D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án (5 điểm)**

**\* Đề nghị Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh** cung cấp các chứng từ, văn bản thể hiện số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử.

**\* Cục Thi hành án dân sự tỉnh** cung cấp:

- Các chứng từ, văn bản thể hiện Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác thi hành án.

- Các bản án kết luận thu hồi tiền, tài sản tham nhũng./.

1. Nhũng nhiễulà hành vi cửa quyền, hách địch, đòi hỏi, gây khó khăn, phiền hà của người có chức vụ, quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ (Điều 3 Luật PCTN năm 2018). [↑](#footnote-ref-1)
2. Doanh nghiệp, tổ chức khu vựcngoài nhà nướclà doanh nghiệp, tổ chức không thuộc trường hợp quy định tại khoản 9, Điều 3, Luật PCTN năm 2018. [↑](#footnote-ref-2)